Phân công lao động rõ ràng trong công nghiệp hơn trong nông nghiệp (Smith, 1776, p. 30).

Xã hội càng phát triển, phân công lao động càng chi tiết (Smith, 1776, p. 33).

Phân công lao động không hẳn do mưu cầu lợi ích hay sự tinh khôn, mà là thiên hướng tất yếu của sự trao đổi mà chính con người cũng chưa thấy hết lợi ích của nó (Smith, 1776, p. 35) nhưng con người có được sự cảm nhận hay ý thức về lợi ích của sự trao đổi mà không xảy ra ở động vật.

Trong xã hội văn minh con người luôn cần sự giúp đỡ của người khác, sự giúp đỡ này gần như vô hình vì phân công lao động và thực chất trong một đời người chưa đủ tranh thủ tình bạn một vài người (Smith, 1776, p. 35), như vậy phân công lao động của Adam Smith là một cách nhìn khác nhưng tương hợp luận điểm hi sinh một phần tự do để thiết lập nhà nước bảo vệ công dân của Montesquieu khi mà lợi ích và an toàn đều là nhu cầu. Điều này phản ánh một nghịch lý rằng phân công lao động là khởi điểm của tự do kinh tế lại liên quan đến tiêu hao tự do vì một công nhân chuyên môn cao không thể hoạt động độc lập để tạo ra một sản phẩm vốn cần đến dây chuyền sản xuất phức hợp.

Nguồn gốc của phú cường là tăng năng suất tức tăng năng lực sản xuất, nguồn gốc của tăng năng lực sản suất là phân công lao động và cuối cùng, trao đổi là nguồn gốc của phân công lao động và theo Adam Smith, trao đổi (hàng hóa) là nguyên tắc của phân công lao động (Smith, 1776, p. 36), quan hệ tử tế lấy lòng nhau là quan hệ trao đổi, dẫn đến bàn tay vô hình, lưu ý điểm này. Liên tưởng hoạt động trao đổi chất của cơ thể sinh vật.

Chứng minh tự do kinh tế và có sự can thiệp nhà nước (mạng nhện, hi sinh tự do khởi đầu).

Chứng minh tự do gắn với bình đẳng rồi dân chủ.

Sự trói buộc của pháp luật tạo thành mảnh đất của trật tự nuôi mầm công lý đâm chồi.

Sự khác biệt tài năng bẩm sinh không nhiều như ta nghĩ (Smith, 1776, p. 36).

Sản phẩm sản xuất riêng tư thành tài sản chung (Smith, 1776, p. 37) -> xã hội có khả năng trở thành sinh thể do đặc điểm trao đổi -> dân chủ? Liên hệ trí tuệ đám đông.

Phân công lao động bị hạn chế bởi thị trường, mặt khác, phân công lao động tương tác qua lại với tự do – tự do trao đổi hàng hóa, như vậy suy ra thị trường nhỏ hạn chế tự do nhưng trên thực tế lượng dân số của một quốc gia càng nhỏ càng dễ đạt dân chủ và dân chủ luôn gắn với tự do. Giải thích nghịch lý này như thế nào? Lời giải đáp hết sức đơn giản, khẳng định thị trường nhỏ hạn chế tự do là sai lầm vì bị khuếch tán bởi độ lệch của khẳng định phân công lao động bị hạn chế bởi thị trường. Một cách chính xác, mức độ phân công lao động tương ứng độ lớn thị trường, và tự do là trạng thái thỏa mãn (nếu) có được từ phân công lao động. Như vậy phân công lao động thấp vẫn có tự do cao nếu nó thỏa mãn nhu cầu trao đổi của thị trường. Thị trường nhỏ là một khách quan không thay đổi và tự do với khía cạnh thỏa mãn khó mà bị chi phối bởi khách quan mặc định. Ngoài ra, lượng dân số không đồng nhất độ lớn thị trường, cho nên bất luận thế nào, thị trường càng lớn càng có khả năng mở rộng tự do, đối nghịch một cách phát biểu chính xác, lượng dân số nhỏ không hẳn làm tăng tự do mà là giảm rủi ro từ tự do khi mà quản lý rủi ro được dễ dàng.

Adam Smith đề cập tầm quan trọng của vận tải đặc biệt vận tải hàng hải (Smith, 1776, pp. 39-40), đây là ẩn ngữ luân chuyển của trao đổi, hoạt động bôi trơn mà chức năng của hệ thống tài chính là một loại vận tải trong chu lưu hàng hóa, theo đó hệ thống tài chính không những bôi trơn cỗ máy kinh tế mà còn “chuyên chở” hàng hóa trong vòng đời của hàng hóa được quan sát và điều hành bởi cả nhà nước và thị trường mà ta có thể mở rộng bàn luận về sự cần thiết của sự can thiệp của nhà nước vào thị trường. Như vậy hàng hóa – sản phẩm không những được chuyên chở vật lý từ vị trí địa lý này đến vị trí địa lý khác mà còn chu lưu trong vòng đời trừu tượng, với một ví dụ khác được phát họa bởi sổ kế toán. Hơn nữa, nếu bản thân hoạt động sản xuất là một loại sản phẩm thì hoạt động tài chính là phương tiện vận tải sản phẩm đó. Nguồn gốc của phân công lao động là sự trao đổi và hoạt động thương mại là một thể hiện của sự trao đổi, thế nên bức tranh thị trường nghĩa hẹp và nền kinh tế nghĩa rộng dần hiện lên với hai mảng màu “năng lực sản xuất” và “quan năng tài chính”, đồng thời một vệt thứ ba xuất hiện nhập nhòe, đó là “hoạt động thương mại”, nhưng ý nghĩa của bức tranh này chưa bao giờ rời xa sự phân công lao động cũng như trao đổi chất, tuy sẽ ngày càng phức tạp hơn, tinh vi hơn.

Cùng một lượng lao động tức cùng một giá trị trao đổi nhưng lượng lao động ở quốc gia này có giá trị quy ước khác với giá trị quy ước tại quốc gia khác, và chính sự chênh lệch giá trị quy ước này cũng mang đến lợi nhuận tức giá trị trao đổi mới, điều này cũng tương tự như chuyển dịch dòng vốn trong thị trường tài chính. Adam Smith cho rằng sự giàu có của một người tùy thuộc vào lượng lao động mà người đó mua hay chiếm dụng, vấn đề là mua lượng lao động thì phải trả bằng lượng lao động tương đương thông qua tiền tệ nên giải thích thế nào khi chỉ còn sự giàu có bằng chiếm dụng với chấp nhận rằng lượng giá lao động đã tính đến kỹ năng và công sức? Đó, hoặc không phải chiếm dụng mà tổng thể thị trường đã tạo ra nhiều của cải hơn nên mỗi người được hưởng nhiều hơn, hoặc trường hợp thứ hai là tồn tại chiếm dụng và chiếm dụng từ chênh lệch trình độ sản xuất (loại bỏ sự tinh ranh) tương tự chênh lệch giá trị quy ước vừa đề cập.

Giá trị trao đổi khi được mặc cả và thương lượng trên thị trường (Smith, 1776, p. 47) trở thành *giá cả* vì phức hợp lượng lao động bao gồm kỹ năng và công sức. Khi thị trường chấp nhận giá cả để trao đổi hàng hóa thì giá trị quy ước của tiền tệ mới hiệu quả như một cầu nối giữa giá trị trao đổi của hàng hóa và giá cả của hàng hóa, lúc đó mọi người trong thị trường mới có thể mua bán hàng hóa bằng (giá trị quy ước) tiền tệ theo giá cả niêm yết. Lưu ý, giá cả hàng hóa tính bằng đơn vị tiền tệ tức giá trị quy ước của tiền tệ nhưng giá trị trao đổi của hàng hóa tính bằng lượng lao động, nên giá trị quy ước của tiền tệ rất quan trọng, khiến các hệ thống tài chính giữa các quốc gia hình thành tỉ giá hối đoái (exchange rate) giữa những đồng tiền.

Sự hao mòn là nhược điểm của tiền kim loại quý (Smith, 1776, p. 56). Tiền kim loại đúc nhiều giá trị hơn tiền kim loại nén (Smith, 1776, p. 55).

Tư bản, trong kinh tế học, là những yếu tố sản xuất do con người tạo ra và được sử dụng để tạo ra giá trị thặng dư, thường là thông qua quá trình sản xuất. Nó bao gồm tiền bạc, máy móc, nhà xưởng, công cụ lao động, và các tài sản khác được sử dụng để sản xuất hàng hóa và dịch vụ.

Quy định rằng *lượng tiền* trong ngữ nghĩa giá trị quy ước của tiền tệ là đơn vị cơ bản để đề cập đến những khái niệm cao hơn của nền kinh tế như vốn và tư bản, thay vì xoay quanh lượng lao động quá trừu tượng. Nhắc lại, giá trị quy ước của tiền tệ là cầu nối giữa giá trị trao đổi của hàng hóa và giá cả của hàng hóa, trong trường hợp lý tưởng thì giá trị quy ước hợp nhất với giá trị trao đổi và giá cả gồm giá cả tự nhiên và giá cả thị trường, lúc này lượng tiền đồng nhất lượng lao động.

Giá cả tự nhiên là chi phí sản xuất một mặt hàng, bao gồm tiền lương, tiền thuê đất và lợi nhuận (Gemini 2025). Giá cả thị trường là giá thực tế mà mặt hàng được bán, được xác định bởi cung và cầu. Smith cho rằng giá cả thị trường sẽ có xu hướng dao động quanh giá cả tự nhiên (Gemini 2025).

Các thành tố của giá cả: Smith phân tích rằng giá của một hàng hóa không chỉ đơn thuần là chi phí lao động. Khi xã hội phát triển và tư bản được tích lũy, giá cả sẽ bao gồm ba thành phần: tiền lương (cho người lao động), lợi nhuận (cho nhà tư bản) và tiền thuê đất (cho địa chủ).

Giải thích lợi nhuận phình to? Đó là thế năng từ chuyển dịch.

Dập dồn lợi nhuận JSI → hàm phi tuyến

Giá cả tự nhiên của hàng hóa “bôi trơn” từ hoạt động tài chính – thương mại thuần túy nếu giả sử được tạm xem là hàng hóa thì chỉ có lợi nhuận.

Adam Smith tập trung vào ba thành tố cơ bản của giá cả tự nhiên: tiền công cho người lao động, tiền thuê đất cho chủ đất và lợi nhuận cho nhà đầu tư. Thu nhập từ công lao động được gọi là *tiền công*, thu nhập từ vốn được gọi là *lợi nhuận* của người trực tiếp sử dụng vốn, thu nhập từ vốn được cho vay được gọi là *tiền lãi* của người cho vay không trực tiếp sử dụng vốn (Smith, 1776, p. 61). Tiền lãi là thu nhập phái sinh được trích xuất từ lợi nhuận của người vay trả cho người cho vay.

Mỗi xã hội có tỉ suất khác nhau giữa lợi nhuận và tiền lương (tiền công), giữa lợi nhuận và tiền thuê đất (Smith, 1776, p. 63).